

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày: 13/5/2020
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn

Bà Nguyễn Thị Nhạn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 278/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968.

Địa chỉ: tổ 52, KP4, phường Trảng D, TP. B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Trần Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ 46, KP4, phường Trảng D, TP. B, tỉnh Đ.

(Bà X – Bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Theo đơn khởi kiện, bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Vào ngày 12/10/2018, bà có cho bà Trần Thị T vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 12/10/2018 đến ngày 01/5/2019. Đồng thời, cùng trong ngày bà T có viết bản cam kết mỗi ngày sẽ trả cho bà số tiền 200.000đ/ngày (mỗi tháng trả 6.000.000đ), bắt đầu từ ngày 12/10/2018 đến hết ngày 12/10/2020.

Tuy nhiên, từ đó cho đến nay bà T chỉ trả được cho bà được 02 tháng với tổng số tiền là 10.992.000đ; sau đó bà đã nhiều lần đến nhà nhưng bà T không trả tiền cho bà.

Do vậy, nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền gốc còn lại là 89.008.000đ, không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

+ *Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Vào tháng 01/2018, bà có vay của bà Nguyễn Thị X 17 chân hụi ngày; tổng cộng một chân hụi là 2.600.000đ, tổng 17 chân hụi là 2.600.000đ x 17 = 44.200.000đ; trong một tháng thì mỗi ngày bà phải trả cho bà X số tiền 1.700.000đ x 30 ngày = 51.000.000đ. Như vậy, mỗi tháng bà trả cho bà X số tiền lãi chênh lệch là: (51.000.000đ – 44.200.000đ) = 6.800.000đ; bà đã trả cho bà X trong vòng 10 tháng từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2018: 6.800.000đ x 10 tháng = 68.000.000đ tiền lãi. Đến ngày 12/10/2018, bà không có khả năng trả cho bà X nên bà X bảo bà ký vào giấy vay tiền vào ngày 12/10/2018 để bà X đứng ra vay tiền ngân hàng cho bà, mỗi tháng bà chỉ đóng cho bà X là 6.100.000đ nhưng bà không nhớ rõ và bà đã đồng ý ký vào giấy vay tiền vào ngày 12/10/2018 là có vay của bà X số tiền 100.000.000đ. Đồng thời, cùng trong ngày 12/10/2018, bà X bắt bà viết giấy cam kết trả số tiền 100.000.000đ trong vòng 24 tháng từ ngày 12/10/2018 đến hết ngày 12/10/2020, hình thức là trả mỗi ngày 200.000đ/ngày (mỗi tháng trả 6.000.000đ). Do vậy, bà chỉ trả cho bà X được 02 tháng với số tiền là 10.992.000đ.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà X thì bà chỉ đồng ý trả cho bà X số tiền gốc còn lại là 50.000.000đ.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện bà Trần Thị T có địa chỉ tại: tổ 46, KP4, phường Trảng D, TP. B, tỉnh Đ yêu cầu bà T trả cho bà X số tiền nợ gốc là 89.008.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc của nguyên đơn:

Vào ngày 12/10/2018, bà Nguyễn Thị X cho bà Trần Thị T vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 12/10/2018 đến ngày 01/5/2019. Khi vay thì hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có viết giấy vay tiền, bản cam kết và có chữ ký xác nhận của bà T về việc cam kết mỗi ngày sẽ trả cho bà X số tiền 200.000đ/ngày (mỗi tháng trả 6.000.000đ), bắt đầu từ ngày 12/10/2018 đến hết ngày 12/10/2020. Tuy nhiên, bà T mới chỉ thanh toán được cho bà X 02 tháng với tổng số tiền là 10.992.000đ, số tiền nợ gốc còn lại 89.008.000đ bà T chưa thanh toán cho bà X.

Vì vậy, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có tính lãi, nội dung hợp đồng không thể hiện có việc thế chấp tài sản khi vay và nguyên đơn cũng thừa nhận. Từ khi vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, bà T đã trả cho bà X được số tiền nợ gốc là 10.992.000đ; ngoài ra việc bị đơn khai mỗi tháng trả 6.800.000đ trong vòng 10 tháng đã trả được 68.000.000đ tiền lãi cho nguyên đơn nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi giữa các bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền nợ gốc 89.008.000đ là có cơ sở xem xét.

[4] Về nợ lãi: Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong quá trình xét xử, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X được chấp nhận nên bà Trần Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 89.008.000đ = 4.450.400đ$ (bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn bốn trăm đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị X được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.225.200đ (hai triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0000012 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ gốc là 89.008.000đ (tám mươi chín triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng).

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.450.400đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn bốn trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị X được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.225.200đ (hai triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0000012 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THA thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tiến